

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1025/SYT-NV

Bình Phước, ngày 31 tháng 3 năm 2020

V/v triển khai Quyết định số 941/QĐ-BYT

Kính gửi: Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

Ngày 17/3/2020 Bộ Y tế ban hành Quyết định số 941/QĐ-BYT về việc ban hành Danh mục trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc thiết yếu của 01 Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19 (Có văn bản gửi kèm).

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17/3/2020.

Sở Y tế đề nghị các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh khẩn trương rà soát triển khai.

Trân trọng! h

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ SYT;
- Các Phòng chức năng;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV (C31.3).



Văn Thanh Bình



BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *941/QĐ-BYT*

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của 01 Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 30/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của 01 Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19:

1) Khu vực điều trị cách ly người bệnh COVID-19 với cơ sở 20 giường bệnh tại Bệnh viện tuyến Trung ương, tuyến Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phân công là bệnh viện tuyến cuối của Trung ương; của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thu dung điều trị người bệnh nặng, nguy kịch từ tuyến dưới.

- Danh mục trang thiết bị thiết yếu (Phụ lục số 1.1)
- Danh mục vật tư tiêu hao thiết yếu (Phụ lục số 1.2)
- Danh mục thuốc thiết yếu (Phụ lục số 1.3).

2) Các bệnh viện khác tiếp nhận, quản lý điều trị người bệnh COVID-19 (danh mục và cơ sở sử dụng cho 1 bệnh viện):

- Danh mục trang thiết bị thiết yếu (Phụ lục số 2.1)
- Danh mục vật tư tiêu hao thiết yếu (Phụ lục số 2.2)
- Danh mục thuốc thiết yếu (Phụ lục số 2.3).

Điều 2. Giám đốc các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế ngành, căn cứ vào Danh mục trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc thiết yếu quy định tại Điều 1 để rà soát, bổ

sung định mức sử dụng theo quy định và bảo đảm dự phòng trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc thiết yếu đáp ứng với nhu cầu điều trị và diễn biến tình hình dịch bệnh COVID-19. Số lượng sử dụng thực tế theo số lượng người bệnh COVID-19

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, các đơn vị đã thực hiện thủ tục đầu tư phương tiện phòng hộ cá nhân, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, thuốc của đơn vị cách ly điều trị Covid-19 theo Công văn số 104/KCB-NV ngày 01/02/2020 của Cục quản lý khám, chữa bệnh – Bộ Y tế, được phép tiếp tục triển khai thực hiện và tổ chức quản lý theo quy định.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế, Trưởng Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của các tỉnh, thành phố, Giám đốc các Bệnh viện, Viện trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế các ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- PTTg Vũ Đức Đam, TBCĐQGPCD COVID19 (để b/cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
Website Cục KCB;
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trường Sơn
Trưởng Tiểu ban điều trị - Ban chỉ
đạo Quốc gia PC dịch COVID-19

Phụ lục số 1.1
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ THIẾT YẾU

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1.	Máy thở chức năng cao	2
2.	Máy thở không xâm nhập	2
3.	Máy thở xách tay kèm van PEEP, 2 bộ dây	1
4.	Máy lọc máu liên tục (cho đơn vị đã có đủ năng lực thực hiện)	1
5.	Hệ thống ECMO (cho đơn vị đã có đủ năng lực thực hiện)	1
6.	Máy X quang di động	1
7.	Máy siêu âm Doppler màu ≥ 3 đầu dò (máy phải có đầu dò và tính năng, phần mềm đo chức năng tim)	1
8.	Máy đo khí máu (đo được điện giải đồ, lactat, hematocrite)	1
9.	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số	15
10.	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 2 thông số (SpO2 và nhịp mạch)	5
11.	Hệ thống oxy (có thể thay thế bằng bình ô xy hoặc ô xy hoá lỏng)	1
12.	Bơm tiêm điện	28
13.	Máy truyền dịch	22
14.	Máy hút đờm	20
15.	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	3
16.	Máy hút dẫn lưu màng phổi kín	3
17.	Bộ đặt nội khí quản thường	2
18.	Bộ đặt nội khí quản có camera	1
19.	Bộ khí dung kết nối máy thở	2
20.	Máy khí dung	2
21.	Máy phá rung tim có tạo nhịp	1
22.	Máy điện tim ≥ 6 kênh	1
23.	Bộ mở khí quản	2
24.	Đèn thủ thuật	1
25.	Máy lọc và khử khuẩn không khí (số lượng tùy theo diện tích phòng to hay nhỏ)	2
26.	Máy phun dung dịch khử khuẩn: khử khuẩn bề mặt trong các phòng cách ly	1
27.	Đèn cực tím	1
28.	Xe ô tô cứu thương	Cân đối giữa số lượng hiện có của Bệnh viện và nhu cầu để trang bị

Phụ lục số 1.2
DANH MỤC VẬT TƯ TIÊU HAO THIẾT YẾU
(Cơ sở cho điều trị trong 3 tuần)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm	hộp	10
2.	Tupe đựng môi trường vận chuyển bệnh phẩm	cái (hộp 50 cái)	200
3.	Tăm bông mềm lấy bệnh phẩm mũi	cái (hộp 100 cái)	200
4.	Dây hút đờm kín	chiếc	20
5.	Dây hút đờm thường	chiếc	1000
6.	Mask có túi	chiếc	60
7.	Mask thở máy không xâm nhập	chiếc	70
8.	RAM thở không xâm nhập (NCPAP)	chiếc	70
9.	Bộ dây và mask khí dung dùng 1 lần	chiếc	450
10.	Dây thở oxy	chiếc	450
11.	Quả lọc máu liên tục (1 quả/ngày/bn x 2 bn lọc máu x 12 ngày)	quả	24
12.	Catheter lọc máu	cái	8
13.	Quả ECMO (cho đơn vị đã có đủ năng lực thực hiện)	quả	3
14.	Catheter ECMO động mạch và tĩnh mạch (cho đơn vị đã có đủ năng lực thực hiện)	bộ	4
15.	Dây máy thở dùng một lần	bộ	12
16.	Bộ đo huyết áp động mạch xâm nhập	bộ	4
17.	Catheter động mạch (theo dõi HA xâm lấn)	chiếc	6
18.	Túi đựng dịch thải lọc máu	túi	24
19.	Ống nội khí quản hút trên cuff (Hi-Lo EVAC)	cái	12
20.	Catheter đặt tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	cái	10
21.	Catheter dẫn lưu màng phổi	cái	5
22.	Túi đo nước tiểu	túi	25
23.	Sonde foley	cái	10
24.	Điện cực dính	cái	400
25.	Phin lọc khuẩn và vi rút dây máy thở	cái	50
26.	Bộ điện cực máy tạo nhịp ngoài	bộ	5
27.	Dây nối máy thở	chiếc	12
28.	Vật tư tiêu hao khác nếu cần thiết, sẽ sử dụng từ nguồn sẵn có của bệnh viện		

Phụ lục số 1.3
DANH MỤC THUỐC THIẾT YẾU
(Cơ sở cho điều trị trong 3 tuần)

STT	Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Thể tích của đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đối với thuốc dạng lỏng)	Đơn vị	Số lượng
1.	Immunoglobulin 5%	Tiêm/Truyền	50ml	lọ	100
	hoặc Immunoglobulin 10%	Tiêm/Truyền	50ml	lọ	
2.	Vancomycin 500mg	Tiêm/Truyền		lọ	180
3.	Meropenem 500mg	Tiêm/Truyền		lọ	1000
4.	Imipenem/Cilastatin 500mg +500mg	Tiêm/Truyền		lọ	1000
5.	Ceftriaxon 1g	Tiêm/Truyền		lọ	1000
	hoặc Cefotaxime 1g	Tiêm/Truyền		lọ	
6.	Levofloxacin 250mg/50ml	Tiêm/Truyền	50ml	lọ	1000
7.	Ceftazidime 1g	Tiêm/Truyền		lọ	800
8.	Cefoperazol 1g	Tiêm/Truyền		lọ	800
9.	Amikacin 500mg/2ml	Tiêm/Truyền		lọ	1000
	Amikacin 500mg/100ml	Tiêm/Truyền		lọ	
10.	Azithromycin 500mg	Uống		Viên	240
	Azithromycin sirô 200mg/5ml	Uống	15ml	lọ	
11.	Adrenalin 1mg/ml	Tiêm/Truyền	1ml	ống	500
12.	Nor-adrenalin 1mg/ml	Tiêm/Truyền	1ml	ống	500
13.	Milrinon 1mg/ml	Tiêm/Truyền	10ml	lọ	220
14.	Dopamin 200mg/5ml	Tiêm/Truyền	5ml	ống	120
15.	Dobutamin 250mg/20ml	Tiêm/Truyền	20ml	ống	120
	Dobutamin 250mg/50ml	Tiêm/Truyền	50ml	ống	
16.	Midazolam 5mg/ml	Tiêm/Truyền	1ml	ống	600
17.	Morphin 10mg/1ml	Tiêm/Truyền	1ml	ống	120
18.	Fentanyl 0,1mg/2ml	Tiêm/Truyền	2ml	ống	120
19.	Vecuronium 4mg	Tiêm/Truyền		lọ	350
20.	Atracurium 10mg/ml	Tiêm/Truyền	2,5ml	ống	350
21.	Heparin 5.000 UI/ml	Tiêm/Truyền	5ml	lọ	50
22.	Phenobarbital 100mg/1ml	Tiêm/Truyền	1ml	ống	300
23.	Kaliclorid 10%	Tiêm/Truyền	5ml	ống	200

STT	Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Thể tích của đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đối với thuốc dạng lỏng)	Đơn vị	Số lượng
24.	Calcigluconat 10%	Tiêm/Truyền	10ml	ống	200
	Calciclorua (Calciclorid) 10%	Tiêm/Truyền	5ml	ống	
25.	Natribicacbonat 8,4%,	Tiêm/Truyền	10ml	ống	300
26.	Magiesulphat 15%	Tiêm/Truyền	5ml	ống	200
27.	Albumin 20%	Tiêm/Truyền	50ml	lọ	100
28.	Dịch lọc máu liên tục theo máy	Dùng dịch lọc	5 lít	túi	400
29.	Natri clorid 0,9%	Tiêm/Truyền	100ml	chai	1000
30.	Glucose 5%	Tiêm/Truyền	250ml	chai	1000
31.	Glucose 10%	Tiêm/Truyền	250ml	chai	50
32.	Ringer lactat	Tiêm/Truyền	500ml	chai	1000
33.	Ringer lactat + Glucose 5%	Tiêm/Truyền	500ml	chai	1000
34.	Hydrocortisol 100mg	Tiêm/Truyền		lọ	70
35.	Methyl Presnisolon 125mg	Tiêm/Truyền		lọ	70
36.	Thuốc khác khi cần thiết, sẽ sử dụng từ nguồn thuốc sẵn có của bệnh viện				

Ghi chú: Có thể sử dụng các thuốc có cùng hoạt chất, đường dùng nhưng có nồng độ, hàm lượng, đơn vị hoặc thể tích khác có khả năng thay thế nhau. Khi đó cần quy đổi ra số lượng thuốc tương ứng.

Phụ lục số 2.1
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ THIẾT YẾU

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1.	Máy thở xách tay kèm van PEEP, 2 bộ dây	1
2.	Máy X quang di động	1
3.	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số	1
4.	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 2 thông số (SpO2 và nhịp mạch)	1
5.	Máy đo độ bão hoà ô xy kẹp tay	5
6.	Hệ thống oxy (có thể thay thế bằng bình ô xy hoặc ô xy hoá lỏng)	1
7.	Bơm tiêm điện	2
8.	Máy truyền dịch	2
9.	Máy hút đờm	2
10.	Máy hút dẫn lưu màng phổi kín di động	2
11.	Bộ đặt nội khí quản thường	1
12.	Đèn thủ thuật	1
13.	Máy lọc và khử khuẩn không khí (số lượng tùy theo diện tích phòng to hay nhỏ)	1
14.	Máy phun dung dịch khử khuẩn: khử khuẩn bề mặt trong các phòng cách ly	1

Phụ lục số 2.2
DANH MỤC VẬT TƯ TIÊU HAO THIẾT YẾU
(Cơ sở cho điều trị trong 3 tuần)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm	hộp	10
2.	Tupe đựng môi trường vận chuyển bệnh phẩm	hộp 50 cái	100
3.	Tăm bông mềm lấy bệnh phẩm mũi	hộp 100 cái	100
4.	Mask có túi	chiếc	20
5.	Dây thở oxy	chiếc	50
6.	Sonde foley	cái	5
7.	Điện cực dính	cái	50
8.	Vật tư tiêu hao khác nếu cần thiết, sẽ sử dụng từ nguồn sẵn có của bệnh viện		

Phụ lục số 2.3
DANH MỤC THUỐC THIẾT YẾU
(Cơ sở cho điều trị trong 3 tuần)

STT	Tên thuốc, nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Thể tích của đơn vị đóng gói nhỏ nhất (đối với thuốc dạng lỏng)	Đơn vị	Số lượng
1.	Ceftriaxon 1g	Tiêm/Truyền		lọ	50
	hoặc Cefotaxime 1g	Tiêm/Truyền		lọ	
2.	Levofloxacin 250mg/50ml	Tiêm/Truyền	50ml	lọ	20
3.	Ceftazidime 1g	Tiêm/Truyền		lọ	30
	Cefoperazol 1g	Tiêm/Truyền		lọ	
4.	Amikacin 500mg/2ml	Tiêm/Truyền		lọ	20
	Amikacin 500mg/100ml	Tiêm/Truyền		lọ	
5.	Azithromycin 500mg	Uống		Viên	50
6.	Azithromycin sirô 200mg/5ml	Uống	15ml	lọ	20
7.	Adrenalin 1mg/ml	Tiêm/Truyền	1ml	ống	70
8.	Nor-adrenalin 1mg/ml	Tiêm/Truyền	1ml	ống	70
9.	Midazolam 5mg/ml	Tiêm/Truyền	1ml	ống	50
10.	Natri clorid 0,9%	Tiêm/Truyền	100ml	chai	150
11.	Glucose 5%	Tiêm/Truyền	250ml	chai	150
12.	Glucose 10%	Tiêm/Truyền	250ml	chai	70
13.	Ringer lactat	Tiêm/Truyền	500ml	chai	150
14.	Ringer lactat + Glucose 5%	Tiêm/Truyền	500ml	chai	150
15.	Hydrocortisol 100mg	Tiêm/Truyền		lọ	150
16.	Methyl Presnisolon 125mg	Tiêm/Truyền		lọ	50
17.	Thuốc khác khi cần thiết, sẽ sử dụng từ nguồn thuốc sẵn có của bệnh viện				

Lưu ý: Có thể sử dụng các thuốc có cùng hoạt chất, đường dùng nhưng có nồng độ, hàm lượng, đơn vị hoặc thể tích khác có khả năng thay thế nhau. Khi đó cần quy đổi ra số lượng thuốc tương ứng.

